

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2019/HS-ST
Ngày 10/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Mạnh Châm và bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HS ngày 28/3/2019, đối với bị cáo:

Trần Xuân T, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1991, tại Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Tổ 05, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Trần Văn T1 và bà Vũ Thị Ng; có vợ là Hà Thị X và 01 con (sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/12/2013, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (đã thi hành xong hình phạt, thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: Anh Tạ Hữu Tr, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện Y M, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Th; sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

2. Bà Trần Thị Th1; sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 19, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

- Những người làm chứng:

1. Anh Bùi Văn M; sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm H, xã Th, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

2. Anh Tống Hoàng L; sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

3. Anh Nguyễn Minh H; sinh năm 1994; nơi cư trú; Xóm 5, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 7/2016, bị cáo Trần Xuân T nhìn thấy 01 chùm chìa khóa gồm 03 chiếc chìa khóa (01 chiếc chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA và 02 chiếc chìa khóa nhỏ bằng kim loại) ở dưới đất, cách vị trí dựng xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblade màu sơn đen (của anh Tạ Hữu Tr), khoảng 50cm, tại nhà để xe của cán bộ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo nhặt chùm chìa khóa, sau đó cắm thử vào ổ khóa điện xe mô tô của anh Tr thì thấy mở được khóa điện, bị cáo cất chìa khóa vào trong người rồi đi về nhà, một thời gian sau do không có tiền chi tiêu nên bị cáo nảy sinh ý định dùng chìa khóa nhặt được để trộm cắp chiếc xe mô tô đã thử chìa khóa trước đó, bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 18/9/2016, bị cáo mang theo chìa khóa xe mô tô đã nhặt được, đi taxi đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang (thuộc tổ 20, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang), bị cáo đi đến gian để xe thứ ba của nhà để xe số 2, nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblade, BKS 89F1-179.64 (của anh Tạ Hữu Tr). Quan sát xung quanh thấy không có người, bị cáo lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa điện, nổ máy rồi điều khiển xe đi lên Km27 đường Tuyên Quang - Hà Giang rồi dừng lại, tháo BKS của xe vớt xuống suối và tháo 02 gương chiếu hậu của xe cắt vào cốp xe. Khoảng 09 giờ ngày 18/9/2016 bị cáo điều khiển xe đi đến khu vực cổng trường Đại học T, thuộc xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, vào quán nước của Bùi Văn M, nhờ M mang xe đi cầm cố lấy tiền. M đồng ý rồi cùng Nguyễn Minh H, mang xe đến gặp Tống Hoàng L. Sau đó M và L mang xe đến gặp Nguyễn Văn Th, trú tại xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nói vay 12.000.000đ và để xe lại làm tin, Th đồng ý. M đưa L 200.000đ để đi taxi về, cho H 300.000đ và đưa cho bị cáo T 11.500.000đ. Sau khi nhận tiền, bị cáo cho M 500.000đ, số tiền còn lại 11.000.000đ, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 23/9/2016, anh Nguyễn Văn Th đã giao nộp Công an phường Tân Hà chiếc xe mô tô của anh Tạ Hữu Tr do M và L cầm cố.

Tại Kết luận định giá tài sản số 108/KLĐG, ngày 06/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Airblade, màu sơn đen, số máy JF46E609233, số khung 4612EZ167103, giá trị còn lại là 29.600.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSTP ngày 06/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Trần Xuân T về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Xuân T theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Xuân T từ 09 tháng tù đến 01 năm tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo; buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra, bị hại Tạ Hữu Tr xác nhận số lượng, chủng loại tài sản bị mất đúng như lời khai của bị cáo; bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa anh Tạ Hữu Tr vắng mặt nhưng trong đơn xin xử vắng mặt anh Tr đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân T tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua biên bản xác minh hiện trường, bản kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của những người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 18/9/2016, tại nhà để xe số 2 Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang, thuộc tổ 20, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Trần Xuân T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblade

Biển kiểm soát 89F1-179.64, trị giá 29.600.000đ (hai mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) của anh Tạ Hữu Tr.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lừa dối trực tiếp, mục đích vụ lợi; trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp trên 2.000.000 đồng; hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi tội phạm bị phát hiện đã tác động gia đình khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương; bị cáo có nhân thân xấu (ngày 30/12/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc). Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên; không có tài sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 17/10/2016, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho bị hại Tạ Hữu Tr. Quá trình điều tra, bị cáo Trần Xuân T đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả thiệt hại, ngày 13/01/2019, gia đình bị cáo đã hoàn trả số tiền 12.000.000đ cho anh Nguyễn Văn Th. Anh Tr, anh Thắng đều không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm; bà Trần Thị Th1 xác định khoản tiền 12.000.000 đồng bà đứng ra trả cho anh Nguyễn Văn Th là do bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả, bà không yêu cầu bị cáo phải thanh toán cho bà, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với Bùi Văn M, Nguyễn Minh H, Tống Hoàng L đã mang xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblade BKS 89F1-179.64 đi vay tiền hộ Trần Xuân T. Nguyễn Văn Th đã cho M, L vay tiền, giữ xe lại làm tin, nhưng không biết là xe

do T phạm tội mà có, cơ quan điều tra không đề cập xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/01/2019.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Xuân T, phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại (anh Tạ Hữu Tr) vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị Th1) được quyền kháng cáo bản án (về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Mạnh Châm – Lê Thị Thảo

Nguyễn Tuấn Vinh